

Bản án số: 79 /2017/HSST
Ngày: 14/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Ông Nguyễn Thế Lợi**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Phạm Tiến Lợi**

Ông Trần Trung Úy

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 86/2017/HSST ngày 17/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh G, sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn LCM, xã PC, huyện CM, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963 và bà Vương Thị L, sinh năm 1968; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 12 tháng 5 năm 2010, Tòa án nhân dân huyện CM, Thành phố Hà Nội phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 45 tháng về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; chấp hành xong hình phạt ngày 12/02/2014, nộp án phí ngày 03/8/2010 (đã được xóa).

- Ngày 27 tháng 12 năm 2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CM ra quyết định số 7154/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa người vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, thời hạn 24 tháng (chấp hành xong ngày 11/02/2015). Ngày 02/02/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CM ra quyết định số 377/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy, thời hạn 24 tháng (chấp hành xong ngày 15/02/2017).

Danh chỉ bản số 333 do Công an huyện CM lập ngày 16/6/2017. Tạm giữ từ ngày 14 – 20/6/2017. Bị cáo tại ngoại có mặt.

2. Nguyễn Đình S, sinh năm 1969; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn LCM, xã PC, huyện CM, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông: Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị T1 (đều đã chết); Vợ: Nguyễn Thị N sinh năm 1966; Có 4 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, Tiền sự: không; Danh chỉ bản số 334 do Công an huyện CM lập ngày 16/6/2017. Tạm giữ từ ngày 14 – 20/6/2017. Bị cáo tại ngoại có mặt.

Người bị hại: Chị Tống Thị T2, sinh năm 1979; Nơi ĐKKHKT: thôn TL, xã TP, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện CM truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Chiều ngày 05/6/2017, tại hang núi Trầm thuộc địa phận Thôn LCM, xã PC, huyện CM, Thành phố Hà Nội, chị Tống Thị T2 sinh năm 1979, trú tại thôn TL, xã TP, huyện CM và con gái là Tống Thị Thùy D, sinh năm 2016 đến nghỉ tránh nắng nóng cùng nhiều người dân ở quanh khu vực chùa Trầm. Nguyễn Minh G và Nguyễn Đình S cũng đến hang núi Trầm nghỉ tránh nắng nóng. S ngồi nghỉ ở chiếu sát chiếu của mẹ con chị T2. Khoảng 14h15 phút, khi chị T2 bế cháu D ra ngoài cửa hang đi vệ sinh, G quan sát và phát hiện chị T2 để tại chiếu nghỉ 01 túi xách nữ màu xanh, trong túi có 01 điện thoại di động OPPO F1 màu vàng nhạt. G nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại của chị T2, thấy S đang ngồi gần chiếc túi xách, G dùng tay huých vào người S ra hiệu bảo S trộm cắp chiếc điện thoại của chị T2. S hiểu ý G nên lấy chiếc điện thoại di động trong túi của chị T2, đưa cho G cầm và giấu vào trong áo phía trước bụng đi ra ngoài cổng chùa cất giấu tại gốc cây xà cừ, sau đó lại đi vào trong hang. Khi chị T2 quay vào thì phát hiện bị mất điện thoại, nghi là bị G lấy trộm nên chị đã gặp G để xin lại điện thoại nhưng G không thừa nhận. Do đó, chị T2 đã đến Công an xã PC trình báo.

Ngày 14/6/2017, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Nguyễn Minh G và Nguyễn Đình S đến Công an huyện đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1 màu vàng nhạt có ốp nhựa phía sau màu trắng, bên trong lắp 02 sim có số thuê bao: 0166.563.5100; 0973.142.500 do Nguyễn Minh G tự nguyện giao nộp.

Tại Kết luận định giá tài sản số 205/TC-KLĐG ngày 08/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CM kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1 màu vàng nhạt; Số Imei 1: 8636 3203 1323 294; Số

Imei 2: 8636 3203 1323 (đã qua sử dụng) có giá 3.000.000 đồng. Hai chiếc sim điện thoại số thuê bao 0166.563.5100 và 0973.142.500 trị giá 200.000 đồng. Tổng trị giá là **3.200.000 đồng**.

Cáo trạng số 86/CT-VKS ngày 16/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CM đã truy tố Nguyễn Minh G – Nguyễn Đình S về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm b, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, phạt Nguyễn Minh G từ 07 đến 10 tháng tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự, phạt Nguyễn Đình S từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

XÉT THẤY

Về tố tụng: Người bị hại là chị Tống Thị T2 đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt chị T2 không ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 191 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T2.

Về nội dung: Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; phù hợp với vật chứng và các tài liệu chứng cứ khách quan của vụ án. Có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 05/06/2017, tại hang núi Trầm thuộc Thôn LCM, xã PC, huyện CM, Thành phố Hà Nội, Nguyễn Minh G và Nguyễn Đình S đã có hành vi lén lút trộm cắp của chị Tống Thị T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1 bên trong laptop 02 sim có số thuê bao: 01665635100; 0973142500 trị giá 3.200.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Minh G, Nguyễn Đình S đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện CM truy tố Nguyễn Minh G – Nguyễn Đình S về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác; ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự ở địa phương. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật

nhưng vẫn cố ý phạm tội nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để đảm bảo tính răn đe và giáo dục chung.

Xét về vai trò phạm tội thì thấy G và S cùng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng G là người chủ mưu, lôi kéo S phạm tội. Nhân thân của G có 01 tiền án, 01 tiền sự. Mặc dù đã được xóa song thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo.

Khi quyết định hình phạt thấy hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tự giác ra đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ theo Điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; bị cáo G đã tự nguyện khắc phục hậu quả, có ông nội 02 lần được tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Ba và bà nội được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây tặng Bằng khen do đã có thành tích trong kháng chiến chống Mỹ nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo Điểm b Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo S được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo Điểm h Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo S nhân thân chưa có tiền án tiền sự; phạm tội do bột phát; lại đang bị bệnh viêm tụy cấp và xơ gan; S có nhiều tình tiết giảm nhẹ lại có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ để thể hiện nhân đạo của pháp luật.

Xét hoàn cảnh và điều kiện kinh tế của các bị cáo, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo phải chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã xác minh làm rõ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1 màu vàng nhạt, bên trong lắp 02 sim có số thuê bao: 01665635100, 0973142500 là tài sản của chị Tống Thị T2. Ngày 20/06/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CM đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị T2. Chị T2 đã nhận lại chiếc điện thoại trên không yêu cầu Nguyễn Minh G và Nguyễn Đình S bồi thường gì thêm nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Minh G – Nguyễn Đình S** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm b, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, phạt: **Nguyễn Minh G 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14 - 20/6/2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự, phạt: **Nguyễn Đình S 09 (chín)** tháng Cải tạo không giam giữ (được trừ **06** ngày tạm giữ quy đổi bằng **18** ngày Cải tạo không giam giữ) còn phải chấp hành **08** tháng **12** ngày Cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao Nguyễn Đình S cho Ủy ban nhân dân xã PC, huyện CM, TP. Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho Nguyễn Đình S.

3.Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- VKSND huyện CM;
- Công an huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Bị cáo; Người bị hại;
- THA HS;.
- Lưu HS;VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Lợi